

Số: 670 /BHXH-CNTT

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 6 năm 2016

V/v rà soát, xác minh, nghiệm thu
dữ liệu HGD tham gia BHYT

Kính gửi: Giám đốc Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố

Theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đến thời điểm 30/6/2016 Bảo hiểm Xã hội các địa phương phải hoàn thành việc rà soát, nghiệm thu dữ liệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế (BHYT). Thời gian qua, Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố đã tích cực tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với Bưu điện để triển khai rà soát, bổ sung, cập nhật dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT theo hướng dẫn của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và Bảo hiểm Xã hội tỉnh. Theo số liệu tổng hợp, đến ngày 27/6/2016 toàn tỉnh đã thu thập dữ liệu và cập nhật vào phần mềm quản lý được 906.333 hộ, với 3.525.818 nhân khẩu, tỷ lệ đồng bộ mã thẻ BHYT đạt 89%. Đã in 899.048 mẫu DK01-DC chuyển về các xã, phường, thị trấn để xác minh và đã thu về 873.004 mẫu DK01-DC (đạt 97,1%), trong đó đã có 16 huyện đã hoàn thành 100% (có tổng hợp chi tiết kèm theo).

Để hoàn thành việc xác minh, cập nhật dữ liệu hộ gia đình tham gia BHYT theo đúng tiến độ, đồng thời đảm bảo chính xác dữ liệu và tỷ lệ đồng bộ mã thẻ đạt 100%, Bảo hiểm Xã hội tỉnh yêu cầu:

1. Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa thu đủ mẫu DK01-DC từ xã về, khẩn trương phối hợp với Bưu điện huyện để thu đủ số lượng và cập nhật đầy đủ thông tin điều chỉnh.

2. Đối với các huyện đã hoàn thành 100% việc xác minh, cập nhật dữ liệu, phối hợp với Bưu điện để nghiệm thu và khóa dữ liệu. Đồng thời, tiếp nhận toàn bộ danh sách, mẫu DK01, mẫu DK01-DC từ Bưu điện để lưu trữ tại cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo quy định.

3. Tiếp tục rà soát, đồng bộ mã thẻ BHYT đạt tỷ lệ 100% làm cơ sở cấp mã định danh cho người tham gia BHYT.

4. Tổng hợp, báo cáo kết quả kèm biên bản nghiệm thu dữ liệu về Bảo hiểm Xã hội tỉnh trước ngày 10/7/2016.

Yêu cầu Giám đốc Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Bảo hiểm Xã hội tỉnh (qua phòng Quản lý thu, Công nghệ thông tin) để hỗ trợ. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc;
- Các Phó Giám đốc;
- Bưu điện tỉnh (để phối hợp);
- Văn phòng, các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, CNTT. *AS*



Lê Thanh Sinh



BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN RÀ SOÁT, XÁC MINH MẪU DK01-DC ONLINE ĐẾN NGÀY 27/6/2016

(Kèm theo Công văn số 670/BHXH-CNTT ngày 28/6/2016 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng số xã/phườn g	Tổng số thôn/ tổ trên địa bàn	Tổng số mẫu DK01-DC		Đạt tỷ lệ % so với số đã in	Kết quả mẫu DK01-DC thu về		Đạt tỷ lệ % so với số đã bàn giao cho xã	Tổng số mẫu DK01-DC đã nhận bàn giao	Đạt tỷ lệ % so với số đã thu về	Tổng số mẫu DK01-DC đã cập nhật	Tỷ lệ % so với số đã nhận bàn giao	Tỷ lệ đồng bộ mã thẻ BHYT
				Số hộ	Đơn vị đã bàn giao cho UBND xã xác minh		Tổng số mẫu thu về	Trong đó, Mẫu DK01-DC chỉnh sửa						
A	B	C	D	E	F	Ga=5/F	6	6a	6b=6/5	7	7a=7/6	8	8a=8/6a	(%)
1	Thành phố	37	424	86,504	86,504	100.0	84,075	14,370	97.2	84,075	100.0	15,229	106.0	92
2	Bỉm Sơn	8	65	15,362	15,362	100.0	14,511	3,321	94.5	14,511	100.0	2,878	86.7	85
3	Sầm Sơn	11	118	25,670	25,670	100.0	21,515	4,638	83.8	21,515	100.0	5,148	111.0	80
4	Mường Lát	9	90	7,871	7,871	100.0	7,847	3,552	99.7	7,847	100.0	3,562	100.3	85
5	Quan Hóa	18	125	10,693	10,693	100.0	10,691	4,221	100.0	10,691	100.0	3,815	90.4	91
6	Bá Thước	23	225	26,068	26,068	100.0	26,068	6,269	100.0	26,068	100.0	6,315	100.7	96
7	Quan Sơn	13	99	8,772	8,772	100.0	8,772	2,333	100.0	8,772	100.0	2,954	126.6	90
8	Lạng Chánh	11	96	11,151	11,151	100.0	11,151	3,229	100.0	11,151	100.0	3,225	99.9	92
9	Ngọc Lặc	22	282	33,204	33,204	100.0	33,204	9,568	100.0	33,204	100.0	9,614	100.5	92
10	Cẩm Thủy	20	216	26,346	26,346	100.0	26,516	5,735	100.6	26,516	100.0	6,267	109.3	90
11	Thạch Thành	28	247	34,181	34,181	100.0	33,852	8,631	99.0	33,852	100.0	7,500	86.9	97
12	Hà Trung	25	208	32,054	32,054	100.0	32,054	9,466	100.0	32,054	100.0	9,477	100.1	107
13	Vĩnh Lộc	16	132	23,038	23,038	100.0	23,038	6,804	100.0	23,038	100.0	5,380	79.1	112
14	Yên Định	29	244	41,439	41,439	100.0	41,439	10,623	100.0	41,439	100.0	12,587	118.5	94
15	Thọ Xuân	41	405	57,764	57,764	100.0	57,764	23,040	100.0	57,764	100.0	23,679	102.8	100
16	Thường Xuân	17	139	20,429	20,429	100.0	20,429	3,517	100.0	20,429	100.0	3,215	91.4	89
17	Triệu Sơn	36	386	50,569	50,569	100.0	40,210	16,228	79.5	40,210	100.0	13,699	84.4	84
18	Thiệu Hóa	28	228	42,663	42,663	100.0	40,892	18,111	95.8	40,892	100.0	15,082	83.3	97
19	Hoàng Hoá	43	373	57,073	57,073	100.0	57,073	19,831	100.0	57,073	100.0	20,093	101.3	97
20	Hậu Lộc	27	224	43,350	43,350	100.0	43,001	16,423	99.2	43,001	100.0	16,041	97.7	85
21	Nga Sơn	27	229	36,154	36,154	100.0	36,030	10,398	99.7	36,030	100.0	9,756	93.8	97
22	Như Xuân	18	184	15,885	15,885	100.0	15,885	6,551	100.0	15,885	100.0	6,551	100.0	100
23	Như Thanh	17	195	22,122	22,122	100.0	22,122	6,575	100.0	22,122	100.0	6,394	97.2	96
24	Nông Công	32	319	45,872	45,876	100.0	45,872	9,926	100.0	45,872	100.0	9,930	100.0	88
25	Đông Sơn	15	148	21,230	21,230	100.0	21,230	12,554	100.0	21,230	100.0	12,548	100.0	101
26	Quảng Xương	30	294	45,649	45,649	100.0	44,958	20,289	98.5	44,958	100.0	20,173	99.4	88
27	Tĩnh Gia	28	285	57,931	57,931	100.0	52,805	6,323	91.2	52,805	100.0	10,354	163.8	82
Tổng cộng:		629	5,980	899,044	899,048	100.0	873,004	262,526	97.1	873,004	100.0	261,466	99.6	89

Ghi chú: Cột (8 > 6a): Do BHXH loại bỏ số định danh (BHYT) trùng hoặc cập nhật bổ sung số định danh mới
Cột (9 < 0): Do đơn vị xử lý (Xóa bỏ) hộ gia đình trùng